

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2022 - 2023

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	98.496,3	x		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	76.973,4	x		
b	Cơ sở 2A tại Thành Phố Hạ Long	18.884,6	x		
c	Cơ sở 2B tại Thành Phố Hạ Long	2.638,3	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	96.953	x		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính tại Phường Nam Khê - TP Uông Bí	76.004	x		
b	Cơ sở 2 tại Thành Phố Hạ Long	20.949	x		

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm vi sinh.	01	Thí nghiệm	Sinh viên, giảng viên, khoa sản, thủy môi trường	118	x		
2	Phòng thí nghiệm kính hiển vi	01	Thí nghiệm	Sinh viên, giảng viên, khoa sản, thủy môi trường	30	x		
3	Phòng thí nghiệm hóa sinh	01	Thí nghiệm	Sinh viên, giảng viên, khoa sản, thủy môi trường	59	x		
4	Phòng thí	01	Thí nghiệm	Sinh viên,	88.5	x		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
	nghiệm hóa phân tích			giảng viên khoa sản, thủy môi trường				
5	Phòng thí nghiệm thủy sản	01	Thí nghiệm	Sinh viên, giảng viên khoa sản, thủy môi trường	88.5	x		
6	Phòng Thực hành Vật lý đại cương	01	Thực hành	Sinh viên không chuyên	128.7	x		
7	Phòng thực hành hóa học	01	Thực hành	Sinh viên SP Sinh - Hóa	128.7	x		
8	Phòng thực hành sinh vật	01	Thực hành	Sinh viên SP Sinh - Hóa	64	x		
9	Phòng thực hành Tin học	08	Thực hành	Sinh viên các hệ	616.24	x		
10	Phòng thực hành ngoại ngữ (Lab)	05	Thực hành	Sinh viên ngành ngoại ngữ, Du lịch	326.86	x		
11	Phòng bộ môn Hóa	01	Thực hành	Sinh viên ngành Tiểu học, mầm non	145	x		
12	Phòng bộ môn Nhạc	01	Thực hành	Sinh viên ngành Tiểu học, mầm non	145	x		
13	Phòng bộ môn Múa	01	Thực hành	Sinh viên ngành Tiểu học, mầm non	145	x		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
14	Phòng thực hành ngành Du lịch	27				x		
-	Phòng thực hành nghiệp vụ hướng dẫn	04	Thực hành	Sinh viên ngành Du lịch	464	x		
-	Phòng thực hành nghiệp vụ lễ tân	04	Thực hành	Sinh viên ngành Du lịch	400	x		
-	Phòng thực hành pha chế đồ uống Bar	03		Sinh viên ngành Du lịch	300	x		
-	Phòng thực hành nghiệp vụ nhà hàng	04	Thực hành	Sinh viên ngành Du lịch	450	x		
-	Phòng thực hành nghiệp vụ buồng	08	Thực hành	Sinh viên ngành Du lịch	800	x		
-	Phòng thực hành chế biến món ăn	04	Thực hành	Sinh viên ngành Du lịch	400	x		
15	Phòng thực hành nghệ thuật	17	Thực hành, biểu diễn	Sinh viên ngành nghệ thuật	549	x		
16	Xưởng thực hành Thủy sản trong nhà	01	Thực hành	Sinh viên ngành Thủy sản	288	x		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
17	Xưởng thực hành thủy sản Ngoài trời	01	Thực hành	Sinh viên ngành Thủy sản	715	x		
18	Xưởng trường thực hành sư phạm	01	Thực hành	Sinh viên ngành (Mầm non, Tiểu học, THCS, Nghệ thuật	2.761	x		
19	Nhà tập đa năng	01	Thực hành	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	800	x		
20	Hội trường	03	Học tập	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	1.974,5	x		
22	Phòng học lý thuyết	190	Học tập	Sinh viên	14.854	x		
23	Thư viện	17	Học tập	Sinh viên	1.803,3	x		
24	Kí túc xá	308	Sinh hoạt nội trú	Sinh viên	17.562	x		
25	Khu thể thao	02	Học tập giáo dục thể chất và quốc phòng	Sinh viên	9.539	x		
26	Khu hành chính (Các văn phòng làm việc)	80	Phục vụ cán bộ, viên chức - lao động làm việc	Cán bộ, viên chức - lao động làm việc	6.926	x		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Số hữu	Liên kết	Thuê
27	Khu Nhà ăn, căng tin	02	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của sinh viên, cán bộ, giảng viên	Sinh viên, cán bộ, giảng viên	1.906	x		
28	Nhà ở công vụ	03	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của giảng viên	Cán bộ, giảng viên thỉnh giảng	2.965	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu.

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	04
2	Số chỗ ngồi đọc	250
3	Số máy tính của thư viện	20
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	30510 đầu (94000 tài liệu in, 8200 e-book)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường: liên kết thư viện các trường cao đẳng, đại học phía Bắc	56

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên: 98.510 m ² / 5.046 sinh viên	19,52 m ² /1 sinh viên
2	Diện tích sàn/sinh viên: 96.953 m ² / 5.046 sinh viên	19,21 m ² /1 sinh viên

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Thu Giang